

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/KDTM-ST

Ngày: 09/11/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh
Ông Nguyễn Văn Sơn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2020/TLST-KDTM ngày 21/01/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXX-KDTM ngày 03/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-KDTM ngày 05/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2021/QĐST-KDTM ngày 04/8/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 05/2021/TB-TA ngày 11/10/2021, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng V;

Trụ sở: số A, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Văn N, ông Phan Việt H (theo văn bản ủy quyền số 2019/2020/UQ-VPB ngày 07/7/2020) (có mặt ông H).

Bị đơn: Công ty M;

Trụ sở: số B, ngõ 69, đường Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kiều Văn K - Giám đốc (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Kiều Văn K; sinh năm 1992;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2018 và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là Ngân hàng V do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 03/4/2017 Ngân hàng V - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Định Công và Công ty M ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 310317-3530254-01-SME, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 310317-3530254-01-SME ngày 03/4/2017), gồm các nội dung chủ yếu: Hạn mức cho vay 500.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Trong thời hạn này, bên vay có thể vay vốn, trả nợ nhiều lần nhưng dư nợ tại mọi thời điểm không được vượt quá hạn mức cho vay. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sản xuất sản phẩm từ Nhựa Plastic. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Được Ngân hàng và bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Ngân hàng và bên vay. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (Lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngày 19/12/2017 Ngân hàng V - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Định Công và Công ty M ký hợp đồng cho vay hạn mức số 181217-3530254-01-SME, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 181217-3530254-01-SME ngày 19/12/2017), gồm các nội dung chủ yếu: Hạn mức cho vay 750.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Trong thời hạn này, bên vay có thể vay vốn, trả nợ nhiều lần nhưng dư nợ tại mọi thời điểm không được vượt quá hạn mức cho vay. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sản xuất sản phẩm từ Nhựa Plastic theo phương án vay vốn của bên vay đã cung cấp cho Ngân hàng ngày 08/12/2017, đã được bên Ngân hàng thẩm định về tính phù hợp và hiệu quả ngày 08/12/2017. Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Được Ngân hàng và bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Ngân hàng và bên vay. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (Lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty M vay thông qua 5 Khế ước nhận nợ:

Khế ước nhận nợ số 04042017-3530254-01-SME ngày 04/4/2017: số tiền cho vay: 500.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn:

22%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 04/5/2017. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng (+) biên độ 14%/năm.

Khế ước nhận nợ số 270617-3530254-01-SME ngày 27/6/2017: số tiền cho vay: 120.349.240 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 21,4%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 27/7/2017. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng (+) biên độ 14%/năm.

Khế ước nhận nợ số 140917-3530254-01-SME ngày 14/9/2017: số tiền cho vay: 106.630.480 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 21,6%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 14/10/2017. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng (+) biên độ 14,5%/năm.

Khế ước nhận nợ số 131117-3530254-01-SME ngày 13/11/2017: số tiền cho vay: 113.641.165 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 21,6%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 13/12/2017. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng (+) biên độ 14,5%/năm.

Khế ước nhận nợ lần 1 số 191217-3530254-01-SME ngày 19/12/2017: số tiền cho vay: 220.998.800 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 21,3%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 19/01/2018. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng (+) biên độ 14,5%/năm.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, Ngân hàng V - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Định Công và ông Kiều Văn K đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 310317-3530254-01-SME/HĐBL ngày 03/4/2017 và số 181217-3530254-01-SME/HĐBL ngày 19/12/2017. Theo đó, ông K dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty M

trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: Trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty M với Ngân hàng V phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 310317-3530254-01-SME ngày 03/4/2017, số 181217-3530254-01-SME ngày 19/12/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty M và Ngân hàng V bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty M đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng V đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ. Tính đến ngày 03/3/2021, Công ty M đã thanh toán cho Ngân hàng V số tiền như sau: Nợ gốc: 649.294.630 đồng; nợ lãi: 99.210.052 đồng; phạt chậm trả: 27.521 đồng; tổng cộng: 748.532.203 đồng.

Nay, Ngân hàng V đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty M thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 310317-3530254-01-SME ngày 03/4/2017; Hợp đồng cho vay hạn mức số 181217-3530254-01-SME ngày 19/12/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 310317-3530254-01-SME ngày 03/4/2017) ngày 03/4/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 181217-3530254-01-SME ngày 19/12/2017) ngày 19/12/2017; Khế ước nhận nợ số 040417-3530254-01-SME ngày 04/4/2017; Khế ước nhận nợ số 270617-3530254-01-SME ngày 27/6/2017; Khế ước nhận nợ số 140917-3530254-01-SME ngày 14/9/2017; Khế ước nhận nợ số 131117-3530254-01-SME ngày 13/11/2017; Khế ước nhận nợ số 191217-3530254-01-SME ngày 19/12/2017 tạm tính đến ngày 03/3/2021 số tiền gồm: nợ gốc: 412.325.055 đồng, nợ lãi trong hạn: 10.525.929 đồng, nợ lãi quá hạn: 401.837.997 đồng; Tổng cộng: 824.688.981 đồng.

- Trong trường hợp Công ty M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án buộc ông Kiều Văn K có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty M toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh theo các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên.

- Ngân hàng V được tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty M thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

- Trường hợp Công ty M và ông Kiều Văn K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty M và ông Kiều Văn K để thu hồi khoản nợ.

Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu Công ty M phải thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nêu trên tính đến ngày 03/3/2021 là 64.253.626 đồng.

* Bị đơn là Công ty M có trụ sở tại số B, ngõ 69, đường Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là ông Kiều Văn K - Giám đốc, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn K, xã V, huyện V, tỉnh V; chỗ ở: số B, ngõ 69, đường Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 0107408994, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 27/5/2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cung cấp).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là Công ty M và ông Kiều Văn K nhưng không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp cho Công ty M và ông K.

Tòa án tiến hành xác minh trụ sở hoạt động của Công ty M, được Công an phường Đại Kim cung cấp: Hiện tại địa chỉ số B, ngõ 69, đường Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội Công ty M không hoạt động, không treo biển và cũng không có ai là Kiều Văn K sinh sống tại địa chỉ trên.

Ngày 09/7/2020, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội có công văn số 2505/CCTT-ĐKKD cung cấp thông tin gửi Tòa án kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty M và cho biết hiện nay Công ty M chưa đăng ký thủ tục tạm ngừng, giải thể, sáp nhập hay chia tách doanh nghiệp.

Ngày 14/7/2020 Chi cục Thuế quận Hoàng Mai có công văn số 16812/CCT-Ktr1 cung cấp cho Tòa án như sau: Công ty M đăng ký địa chỉ trụ sở, địa chỉ nhận thông báo thuế tại số B, ngõ 69, đường Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; lần nộp thuế gần nhất của doanh nghiệp là ngày 11/5/2020; Chi cục thuế quận Hoàng Mai đã ban hành thông báo số 15462/TB-CCT-Ktr1 ngày 30/6/2020 về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc được cung cấp: Ông Kiều Văn K, sinh năm 1992, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn K, xã V, huyện V, tỉnh V, nhưng hiện tại ông K không có mặt tại địa chỉ trên và chính quyền địa phương không xác định được ông K đi đâu, làm gì, ở đâu.

Do vậy, Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với bị đơn là Công ty M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Kiều Văn K gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa để ông Kiều Văn K biết những vấn đề cụ thể mà Ngân hàng V yêu cầu Tòa án giải quyết; đồng thời Tòa án triệu tập ông K đến Tòa án để thực hiện các

quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, ông K không có mặt theo thông báo triệu tập để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Do ông K không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật tố tụng dân sự quy định và Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa, Ngân hàng V rút yêu cầu đòi số tiền phạt chậm trả lãi là 95.610.715 đồng, yêu cầu Tòa án buộc Công ty M phải trả số tiền gồm: nợ gốc là 412.325.055 đồng, nợ lãi trong hạn là 9.431.114 đồng, nợ lãi quá hạn là 491.437.406 đồng, tổng cộng là: 913.193.575 đồng và tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc theo đúng thỏa thuận cho đến ngày thanh toán hết nợ; Trường hợp Công ty M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án buộc ông Kiều Văn K có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty M toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ; Trường hợp Công ty M và ông Kiều Văn K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty M và ông Kiều Văn K để thu hồi khoản nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, thực hiện đúng quy định về tiến hành công khai chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác. Việc cấp, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định. Tuy nhiên, thời hạn xét xử chưa được đảm bảo theo quy định nhưng có lý do khách quan, Tòa án phải tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành việc triệu tập của Tòa án và không có ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn: Xét các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật; lãi suất cho vay được các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bảo lãnh ký kết giữa Ngân hàng V và ông K là phù hợp

quy định của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Nguyên đơn xin rút yêu cầu thanh toán phạt chậm trả lãi là tự nguyện nên chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút yêu cầu đòi tiền phạt chậm trả lãi, buộc Công ty M phải trả cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc là 412.325.055 đồng và toàn bộ số tiền nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử. Trường hợp Công ty M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông K có nghĩa vụ phải trả nợ thay. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Công ty M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng, bị đơn trong vụ án là Công ty M có trụ sở tại số B, ngõ 69, đường Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, Ngân hàng V tự nguyện rút yêu cầu đòi Công ty M trả số tiền phạt chậm trả lãi là 95.610.715 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút và Ngân hàng không phải chịu án phí. Nếu có tranh chấp, thì Ngân hàng V có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[4] Về hợp đồng tín dụng:

Ngày 03/4/2017 Ngân hàng V - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Định Công và Công ty M ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 310317-3530254-01-SME ngày 03/4/2017 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ, gồm các nội dung chủ yếu: Hạn mức cho vay 500.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sản xuất sản phẩm từ Nhựa Plastic. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng tính từ ngày 03/4/2017. Trong thời hạn này, bên vay có thể vay vốn, trả nợ nhiều lần nhưng dư nợ tại mọi thời điểm không được vượt quá hạn mức cho vay. Mỗi lần vay vốn, các bên sẽ ký kết một khế ước nhận nợ để ghi nhận thông tin chi tiết về khoản vay. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Được Ngân hàng và bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước

nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Ngân hàng và bên vay. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (Lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Phương pháp tính lãi áp dụng đối với dư nợ gốc: Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày. Số tiền lãi phải trả mỗi kỳ = Dư nợ gốc thực tế tại thời điểm tính lãi x số ngày thực tế của kỳ tính lãi x Lãi suất đang áp dụng tại thời điểm tính lãi/360.

Ngày 19/12/2017 Ngân hàng V - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Định Công và Công ty M ký hợp đồng cho vay hạn mức số 181217-3530254-01-SME và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ, gồm các nội dung chủ yếu: Hạn mức cho vay 750.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Hạn mức này bao gồm toàn bộ dư nợ cho vay không tài sản đảm bảo hiện tại của bên vay. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sản xuất sản phẩm từ Nhựa Plastic theo phương án vay vốn của bên vay đã cung cấp cho Ngân hàng ngày 08/12/2017, đã được bên Ngân hàng thẩm định về tính phù hợp và hiệu quả ngày ngày 08/12/2017. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng tính từ ngày 19/12/2017. Trong thời hạn này, bên vay có thể vay vốn, trả nợ nhiều lần nhưng dư nợ tại mọi thời điểm không được vượt quá hạn mức cho vay. Mỗi lần vay vốn, các bên sẽ ký kết một khế ước nhận nợ để ghi nhận thông tin chi tiết về khoản vay. Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Được Ngân hàng và bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Ngân hàng và bên vay. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (Lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Phương pháp tính lãi áp dụng đối với dư nợ gốc: Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày. Số tiền lãi phải trả mỗi kỳ = Dư nợ gốc thực tế tại thời điểm tính lãi x Số ngày thực tế của kỳ tính lãi x Lãi suất đang áp dụng tại thời điểm tính lãi/360.

Xét các hợp đồng tín dụng có nội dung phù hợp với quy định tại các khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm ký kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[5] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Thực hiện hợp đồng tín dụng hạn mức, Ngân hàng V - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Định Công đã giải ngân cho Công ty M thông qua 5 khế ước nhận nợ với tổng số tiền gốc được vay là 1.061.619.685 đồng, gồm: Khế ước nhận nợ số 04042017-3530254-01-SME ngày 04/4/2017, số tiền cho vay là 500.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số 270617-3530254-01-SME ngày 27/6/2017, số tiền cho vay là 120.349.240 đồng; Khế ước nhận nợ số 140917-3530254-01-SME ngày 14/9/2017, số tiền cho vay là 106.630.480 đồng; Khế ước nhận nợ số 131117-3530254-01-SME ngày 13/11/2017, số tiền cho vay là 113.641.165 đồng; Khế ước nhận nợ số 191217-3530254-01-SME ngày 19/12/2017, số tiền cho vay là 220.998.800 đồng. Các khế ước nhận nợ đều có thời hạn cho vay là 12 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày

Ngân hàng giải ngân số tiền cho vay. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, bằng lãi suất bán vốn tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 14%/năm (đối với khế ước nhận nợ ngày 04/4/2017, ngày 27/6/2017) và 14,5%/năm (đối với khế ước nhận nợ ngày 14/9/2017, ngày 13/11/2017, ngày 19/12/2017). Toàn bộ số tiền gốc đã được Ngân hàng chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của bên thụ hưởng theo đúng thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty M đã trả được 649.294.630 đồng tiền gốc, gồm: Khế ước nhận nợ ngày 04/4/2017, trả 449.688.031 đồng; Khế ước nhận nợ ngày 27/6/2017, trả 70.210.000 đồng; Khế ước nhận nợ ngày 14/9/2017, trả 54.084.193 đồng; Khế ước nhận nợ ngày 13/11/2017, trả 28.500.000 đồng; Khế ước nhận nợ ngày 19/12/2017, trả 46.812.406 đồng. Tổng số tiền gốc Công ty M chưa trả của 5 Khế ước nhận nợ nêu trên là: 50.311.969 đồng + 50.139.240 đồng + 52.546.287 đồng + 85.141.165 đồng + 174.186.394 đồng = 412.325.055 đồng. Nay Ngân hàng V yêu cầu Công ty M trả số nợ gốc tính đến ngày 09/11/2021 là 412.325.055 đồng. Căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V, buộc Công ty M phải trả Ngân hàng V số nợ gốc là 412.325.055 đồng.

[6] Về yêu cầu đòi tiền lãi:

Căn cứ Bảng kê tính lãi do Ngân hàng V cung cấp, Tòa án xác định việc trả tiền lãi của Công ty M tính đến ngày 09/11/2021 như sau:

Khế ước nhận nợ ngày 04/4/2017, số tiền lãi đã trả là 56.075.469 đồng; bị chuyển quá hạn từ ngày 26/02/2018, số tiền lãi trong hạn chưa trả là 1.243.798 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa trả là 59.784.605 đồng.

Khế ước nhận nợ ngày 27/6/2017, số tiền lãi đã trả là 11.252.494 đồng; bị chuyển quá hạn từ ngày 26/02/2018, số tiền lãi trong hạn chưa trả là 876.159 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa trả là 60.192.785 đồng.

Khế ước nhận nợ ngày 14/9/2017, số tiền lãi đã trả là 7.942.086 đồng; bị chuyển quá hạn từ ngày 09/3/2018, số tiền lãi trong hạn chưa trả là 966.606 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa trả là 65.206.254 đồng.

Khế ước nhận nợ ngày 13/11/2017, số tiền lãi đã trả là 10.391.816 đồng; bị chuyển quá hạn từ ngày 09/3/2018, số tiền lãi trong hạn chưa trả là 3.369.376 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa trả là 97.050.007 đồng.

Khế ước nhận nợ ngày 19/12/2017, số tiền lãi đã trả là 13.548.187 đồng; bị chuyển quá hạn từ ngày 26/3/2018, số tiền lãi trong hạn chưa trả là 2.975.175 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa trả là 209.203.755 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 09/11/2021 Công ty M chưa trả số tiền lãi trong hạn theo 5 khế ước nhận nợ trên là: 1.243.798 đồng + 876.159 đồng + 966.606 đồng + 3.369.376 đồng + 2.975.175 đồng = 9.431.114 đồng và chưa trả số tiền lãi quá hạn theo 5 khế ước nhận nợ trên là: 59.784.605 đồng + 60.192.785 đồng + 65.206.254 đồng + 97.050.007 đồng + 209.203.755 đồng = 491.437.406 đồng.

Xét thấy, tại các khế ước nhận nợ, các bên đều thỏa thuận lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần và lãi suất cho vay của các kỳ thay đổi lãi suất tiếp theo do Ngân hàng cấp tín dụng quy định tại thời điểm điều chỉnh. Ngân hàng giao nộp đầy đủ các quyết định về việc áp dụng biểu lãi suất điều chuyển vốn nội bộ. Tòa án đã kiểm tra, xác định Ngân hàng V tính số tiền lãi trong hạn, quá hạn theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, quyết định áp dụng biểu lãi suất điều chuyển vốn nội bộ. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V, buộc Công ty M phải trả số tiền lãi tính đến ngày 09/11/2021 gồm: tiền lãi trong hạn là 9.431.114 đồng, tiền lãi quá hạn là 491.437.406 đồng, tổng cộng là 500.868.520 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng bảo lãnh: Ngày 03/4/2017 Ngân hàng V - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Định Công và ông Kiều Văn K đã ký hợp đồng bảo lãnh số 310317-3530254-01-SME/HĐBL. Ngày 19/12/2017 Ngân hàng V - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Định Công và ông Kiều Văn K đã ký hợp đồng bảo lãnh số 181217-3530254-01-SME/HĐBL. Các hợp đồng bảo lãnh có nội dung: ông Kiều Văn K đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty M trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty M với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 310317-3530254-01-SME ngày 03/4/2017 và số 181217-3530254-01-SME ngày 19/12/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty M và Ngân hàng, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan. Việc bảo lãnh có hiệu lực từ ngày phát sinh nghĩa vụ được bảo lãnh cho đến khi Công ty M thực tế thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ và hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ với Ngân hàng theo các văn kiện tín dụng.

Xét các hợp đồng bảo lãnh có nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên hợp đồng có hiệu lực và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Công ty M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tại phiên tòa phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào các điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Đình chỉ xét xử yêu cầu của Ngân hàng V về việc đòi Công ty M trả số tiền phạt chậm trả lãi là 95.610.715 đồng.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V về việc đòi Công ty M trả số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 310317-3530254-01-SME ngày 03/4/2017, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 03/4/2017, Hợp đồng cho vay hạn mức số 181217-3530254-01-SME ngày 19/12/2017, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 19/12/2017, Khế ước nhận nợ số 04042017-3530254-01-SME ngày 04/4/2017, Khế ước nhận nợ số 270617-3530254-01-SME ngày 27/6/2017, Khế ước nhận nợ số 140917-3530254-01-SME ngày 14/9/2017, Khế ước nhận nợ số 131117-3530254-01-SME ngày 13/11/2017, Khế ước nhận nợ số 191217-3530254-01-SME ngày 19/12/2017. Buộc Công ty M phải trả cho Ngân hàng V các khoản tiền tính đến ngày 09/11/2021 gồm: Nợ gốc là 412.325.055 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.431.114 đồng, tiền lãi quá hạn là 491.437.406 đồng, tổng cộng là: 913.193.575 đồng (Chín trăm mười ba triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp Công ty M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V, buộc ông Kiều Văn K có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty M toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nêu trên.

4. Về án phí:

- Công ty M phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 39.395.807 đồng (Ba mươi chín triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm linh bảy đồng).

- Trả lại Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 12.300.000 đồng (Mười hai triệu, ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005152 ngày 21/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Công ty M, ông Kiều Văn K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án DS quận Hoàng Mai;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phương Minh